



Phụ lục 8

CẬP NHẬT, ĐIỀU CHỈNH VÀ HOÀN THIÊN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2016-2020 CÁC DỰ ÁN HỖ TRỢ ĐẶC THÙ

(Kèm theo nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 04/12/2019 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/Chủ trương đầu tư được duyệt		Cập nhật, điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn 2016-2020						CT HT 2016-2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư	Tổng cộng	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	TỔNG CỘNG	6	89					1.996.583	1.059.700	314.000	444.031	131.000	141.669	29.000	95		
		6	89	-	-	-	-	1.996.583	1.059.700	314.000	444.031	131.000	141.669	29.000	95		
	Lĩnh vực giáo dục	3	19					513.082	205.576	91.500	97.500	-	16.576	-	22	-	-
	Lĩnh vực giao thông	2	39					1.058.863	617.036	155.500	237.623	95.000	113.913	15.000	41	-	-
	Lĩnh vực trụ sở		3					52.876	19.000	15.500	3.500	-	-	-	3	-	-
	Lĩnh vực y tế		1					8.430	7.500	-	-	7.500	-	-	1	-	-
	Lĩnh vực văn hóa		13					75.669	63.752	12.500	34.000	8.500	8.752	-	13	-	-
	Lĩnh vực nông nghiệp		8					144.593	61.928	20.000	21.200	20.000	728	-	8	-	-
	Lĩnh vực khác	1	6					143.070	84.908	19.000	50.208	-	1.700	14.000	7	-	-
1	Huyện Ba Vì		14					365.154	177.000	69.500	75.500		32.000		14		
a)	Lĩnh vực giao thông		3					59.332	57000		25000		32000		3		
1	Đường giao thông thôn Tam Mỹ, An Hòa xã Tân Lĩnh		1	Tân Lĩnh			182/QĐ-UBND 22/3/2012; 268/QĐ-UBND 13/4/2012; 430/QĐ-UBND 17/3/2017	29.469	29.000		13.000		16.000		1	UBND huyện Ba Vì	
2	Cải tạo, sửa chữa mặt đường và hệ thống thoát nước đường tỉnh lộ 414 đi Yên Thành		1	Tân Lĩnh			1070/QĐ-UBND 19/10/2011	14.932	14.000		6.000		8.000		1	UBND huyện Ba Vì	
3	Cải tạo, sửa chữa mặt đường và hệ thống thoát nước đường giao thông xã Tân Lĩnh		1	Tân Lĩnh			730/QĐ-UBND 16/8/2011; 593/QĐ-UBND 31/3/2017	14.931	14.000		6.000		8.000		1	UBND huyện Ba Vì	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/Chủ trương đầu tư được duyệt		Cập nhật, điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn 2016-2020						CT HT 2016-2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư	Tổng cộng	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
*	<i>Nghĩa trang Yên Kỳ</i>		##	-	-	-	-	305.822	120.000	69.500	50.500	-	-	-	11	-	
	<i>Lĩnh vực giáo dục</i>		3					73.633	18.500	14.500	4.000	-	-	-	3		
1	Trường tiểu học Phú Sơn		1	Phú Sơn	2011-2016	Xây mới	1416/QĐ-UBND 29/10/2010	24.173	2.500	2.500					1		
2	Trường tiểu học Thái Hòa		1	Thái Hòa	2014-2017	Xây mới	1407/QĐ-UBND 29/10/2010 136/QĐ-UBND 20/2/2014	37.961	11.000	7.000	4.000				1	UBND huyện Ba Vi	
3	Trường tiểu học Phú Sơn, khu Phú Mỹ.		1	Phú Sơn	2015-2017		884/QĐ-UBND 14/9/2011	11.499	5.000	5.000					1	UBND huyện Ba Vi	
	<i>Lĩnh vực trụ sở</i>		3					52.876	19.000	15.500	3.500				3		
1	Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Vật Lại		1	Vật Lại	2013-2016	12.230m2	1410/QĐ-UBND 29/10/2010; 946/QĐ-UBND 30/9/2011	30.457	3.000	3.000					1	UBND huyện Ba Vi	
3	Nhà làm việc kết hợp hội trường xã Cẩm Lĩnh		1	Cẩm Lĩnh	2013-2016	DT 512m2	1257/QĐ-UBND ngày 25/10/2012	7.469	6.500	6.500					1	UBND huyện Ba Vi	
5	Phòng làm việc Đảng ủy, HĐND, UBND xã Thái Hòa.		1	Thái Hòa	2015-2017		1095/QĐ-UBND 03/10/2014	14.950	9.500	6.000	3.500				1	UBND huyện Ba Vi	
	<i>Lĩnh vực giao thông</i>		3					108.248	44.500	24.500	20.000				3		
1	Nâng cấp đường giao thông nội đồng tuyến Thuận An B		1	Thái Hòa	2014-2016	BT, L=1,705km	360/QĐ-UBND 12/5/2011; 1267/QĐ-UBND 03/11/2011	14.900	3.500	3.500					1	UBND huyện Ba Vi	
2	Xây dựng bãi chôn lấp rác thải hợp vệ sinh huyện Ba Vi		1	Tân Lĩnh	2013-2016	Xây mới	1189/QĐ-UBND ngày 23/10/2012	48.500	14.000	10.000	4.000				1	UBND huyện Ba Vi	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/Chủ trương đầu tư được duyệt		Cập nhật, điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn 2016-2020						CT HT 2016-2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư	Tổng cộng	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
3	Nâng cấp đường giao thông thôn Yên Kỳ		1	Phù Sơn	2015-2018	L=3,5km, cấp VI	1156/QĐ-UBND 27/10/2011 785/QĐ-UBND 27/5/216	29.866	27.000	11.000	16.000				1	UBND huyện Ba Vì	
	<i>Lĩnh vực nông nghiệp</i>		1					48.048	19.000	15.000	4.000				1		
1	Cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh tưới tiêu Châu Sơn, Tân Hồng		1	Thái Hòa	2013-2016	Nâng cấp, cải tạo	2432/QĐ-UBND 27/3/2013; 430/QĐ-UBND 05/5/2015	48.048	19.000	15.000	4.000				1	UBND huyện Ba Vì	
	<i>Lĩnh vực khác</i>		1					23.017	19.000		19.000				1		
1	Xây dựng hệ thống đường giao thông liên xã kết hợp cải tạo hồ trung tâm xã Vật Lại		1	Vật Lại	2015-2017		194/QĐ-UBND 11/3/2014	23.017	19.000		19.000				1	UBND huyện Ba Vì	
II	Huyện Sóc Sơn	3	48					1.002.496	557.200	50.000	237.531	131.000	109.669	29.000	51		
a)	<i>Lĩnh vực giao thông</i>	1	21					596.127	341.536	27.000	122.623	95.000	81.913	15.000	22		
1	Cải tạo, nâng cấp đường liên xã Hồng Kỳ - Lai Sơn - Đa Hội đi Vạn Phái, Thái Nguyên		1	Hồng Kỳ; Bắc Sơn		L=8,3km; đường GTNT loại A	8734/QĐ-UBND 31/12/2014; 6685/QĐ-UBND 21/11/2016	24.968	8.664		8.500		164		1	UBND huyện Sóc Sơn	
2	Cải tạo, nâng cấp đường từ núi Đồ Lương - Lương Đình - Nam Lý - Lai Sơn và tuyến nhánh hồ Chiêu Đàng đến Phố Châu		1	Bắc Sơn		L=6,4km; đường GTNT loại A	8735/QĐ-UBND 31/12/2014; 6477/QĐ-UBND 14/11/2016	19.584	3.400		3.400				1	UBND huyện Sóc Sơn	
3	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường trục chính thôn Đồ Lương, xã Bắc Sơn (giai đoạn I)		1	Bắc Sơn	2017-2018	L=5km; đường GTNT loại A; B=5-6m	6667/QĐ-UBND 09/8/2017	13.752	12.798		11.000		1.798		1	UBND huyện Sóc Sơn	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/Chủ trương đầu tư được duyệt		Cập nhật, điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn 2016-2020						CT HT 2016-2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư	Tổng cộng	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
4	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường trục chính thôn Tiên Chu, xã Bắc Sơn (giai đoạn 1)		1	Bắc Sơn	2017-2018	L=5km; đường GTNT loại A; B=5-6m	6659/QĐ-UBND 08/8/2017	13.799	13.336		12.000		1.336		1	UBND huyện Sóc Sơn	
5	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường trục chính thôn Lai Sơn và thôn Nam Lý, xã Bắc Sơn		1	Bắc Sơn	2017-2018	L=4Km; GTNTA, B=5-6m	6651/QĐ-UBND 8/8/2017	11.662	10.502		9.300		1.202		1	UBND huyện Sóc Sơn	
6	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường trục chính thôn Tiên Chu, xã Bắc Sơn (giai đoạn 2)		1	Bắc Sơn	2017-2018	L=5km; đường GTNT loại A; B=5-6m	145/QĐ-UBND 01/8/2017	11.477	10.821		9.500		1.321		1	UBND huyện Sóc Sơn	
7	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường trục chính thôn Thanh Hà, xã Nam Sơn		1	Nam Sơn	2017-2018	L=5km; đường GTNT loại A; B=5-6m	9520a/QĐ-UBND 27/11/2017	14.545	14.100		12.500		1.600		1	UBND huyện Sóc Sơn	
8	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường trục chính thôn Hoa Sơn, xã Nam Sơn		1	Nam Sơn	2017-2018	L=5km; đường GTNT loại A; B=5-6m	599/QĐ-UBND 27/3/2018	14.135	13.657		11.500		2.157		1	UBND huyện Sóc Sơn	
9	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ trường mầm non đi Đông Hạ, đi Xuân Thịnh, đi trung đoàn 165		1	Bắc Sơn	2014-2016	Cải tạo	8571/QĐ-UBND 27/10/2011	10.532	6.323	5.000	1.323				1	UBND huyện Sóc Sơn	
10	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường trục chính thôn Liên Xuân - xã Nam Sơn		1	Nam Sơn	2016-2017	L=5km; đường GTNT loại A; B=5-6m	5573/QĐ-UBND 24/10/2016	14.353	5.600		5.600				1	UBND huyện Sóc Sơn	
11	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường trục chính xã Bắc Sơn (Đoạn 1: Đồ Lương - Thành Công; Đoạn 2: UBND xã - Trường mầm non Bắc Sơn)		1	Bắc Sơn	2017-2018	L=5km; đường GTNT loại A; B=5-6m	6635/QĐ-UBND 07/8/2017	11.898	11.000		8.000		3.000		1	UBND huyện Sóc Sơn	
12	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường trục chính thôn Lương Đình, xã Bắc Sơn		1	Bắc Sơn	2017-2018	L=5km; đường GTNT loại A; B=5-6m	809/QĐ-UBND 13/4/2018	14.762	13.835		10.500		3.335		1	UBND huyện Sóc Sơn	
13	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường trục chính xã Nam Sơn (giai đoạn 2)		1	Nam Sơn	2018-2019	L=19,901km	8791/QĐ-UBND 31/10/2017	58.001	55.000			40.000	15.000		1	UBND huyện Sóc Sơn	
14	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường trục chính xã Bắc Sơn (giai đoạn 2)		1	Bắc Sơn	2018-2019	L=16,960km	8790/QĐ-UBND 31/10/2017	54.315	51.000			35.000	16.000		1	UBND huyện Sóc Sơn	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/Chủ trương đầu tư được duyệt		Cập nhật, điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn 2016-2020						CT HT 2016-2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư	Tổng cộng	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
15	Cải tạo, nâng cấp đường từ ngã 3 Hồng Kỳ - Khu liên hợp xử lý chất thải Sóc Sơn		1	Hồng Kỳ	2017-2018	L=3,2km	2441/QĐ-UBND 17/5/2017	24.928	20.500		500	20.000			1	UBND huyện Sóc Sơn	
16	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường trục chính xã Hồng Kỳ (giai đoạn 2), huyện Sóc Sơn		1		2019-2020		3578/QĐ-UBND 31/10/2018	53.124	50.000				35.000	15.000	1	UBND huyện Sóc Sơn	
17	Cải tạo, nâng cấp đường Hồng Kỳ - Bắc Sơn và tuyến nhánh chợ Châu - Đô Tân	1		Xã Hồng Kỳ, Bắc Sơn	2013-2017	L=14,487Km; B=9m; công trình cấp IV đồng bằng	6557/QĐ-UBND 30/10/2013	160.000	14.500		14.500				1	UBND huyện Sóc Sơn	
18	Cải tạo, nâng cấp đường núi Đá Bạc - Lương Đình - Tiên Chu - Hợp Lực - đến Cầu Triền, Đô Tân		1	xã Bắc Sơn	2015-2016	Cải tạo	5392/QĐ-UBND 07/10/2013	14.999	7.000	7.000					1	UBND huyện Sóc Sơn	
19	Cải tạo, nâng cấp đường Tân Phúc - Đô Tân - Bình An, xã Hồng Kỳ		1	Xã Hồng Kỳ, Bắc Sơn	2014-2016	Cải tạo	8987/QĐ-UBND 04/10/2012	26.500	15.000	15.000					1	UBND huyện Sóc Sơn	
20	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường liên thôn xã Hồng Kỳ		1	Xã Hồng Kỳ	2016-2017	L=5km; đường GTNT loại A; B=5-6m	5028/QĐ-UBND 16/9/2016	10.550	1.500		1.500				1	UBND huyện Sóc Sơn	
21	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường trục chính thôn Xuân Bàng, thôn Đông Hạ (giai đoạn 1) - xã Nam Sơn		1	xã Nam Sơn	2016-2017	L=5km; đường GTNT loại A; B=5-6m	5585/QĐ-UBND 25/10/2016	9.732	1.000		1.000				1	UBND huyện Sóc Sơn	
22	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Đồng Mai - suối Cát		1	Xã Bắc Sơn	2017-2018	L=0,6Km; đường cấp V đồng bằng	5819/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	2.916	2.000		2.000				1	UBND huyện Sóc Sơn	
a)	Lĩnh vực giáo dục đào tạo	2	7					234.776	99.076	23.000	59.500		16.576		9		
1	Xây dựng Trường mầm non Nam Sơn khu Thanh Hà		1	Nam Sơn	2016-2017	Xây 06 phòng học, nhà thể chất, các hạng mục phụ trợ, HTKT, PCCC, thiết bị	3774/QĐ-UBND 29/5/2017	14.068	9.827		9.000		827		1	UBND huyện Sóc Sơn	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Nội lực thiết kế	Dự án/Chủ trương đầu tư được duyệt		Cập nhật, điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn 2016-2020						CT HT 2016-2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư	Tổng cộng	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
2	Cụm trường MN Đô Tân, xã Bắc Sơn		1	Bắc Sơn	2016-2017	Xây 12 phòng học, nhà hiệu bộ, nhà thể chất, các hạng mục phụ trợ, HTKT, PCCC, thiết bị	4446/QĐ-UBND 29/8/2016	29.842	18.500		15.000		3.500		1	UBND huyện Sóc Sơn	
3	Cụm trường MN Đô Lương-Đa Hội, Bắc Sơn		1	Bắc Sơn	2016-2018	Xây 07 phòng học, nhà thể chất, các hạng mục phụ trợ, HTKT, PCCC, thiết bị	5617/QĐ-UBND 26/10/2016	24.159	14.000		11.000		3.000		1	UBND huyện Sóc Sơn	
4	Cải tạo, nâng cấp trường THCS Hồng Kỳ		1	Hồng Kỳ	2016-2018	Xây nhà thể chất, cải tạo 03 phòng học, các hạng mục phụ trợ, HTKT, PCCC, thiết bị	5686/QĐ-UBND 28/10/2016	14.999	10.749		9.000		1.749		1	UBND huyện Sóc Sơn	
5	Cải tạo, nâng cấp Trường Tiểu học Nam Sơn (khu trung tâm)		1	Nam Sơn	2017-2018	Xây nhà thể chất, cải tạo phòng học, hạng mục phụ trợ, HTKT, thiết bị, PCCC	3768/QĐ-UBND 26/5/2017	14.765	14.000		9.000		5.000		1	UBND huyện Sóc Sơn	
6	Cải tạo, nâng cấp Trường tiểu học Hồng Kỳ B		1	Hồng Kỳ	2017-2018	XD 10 phòng, 01 khối nhà hiệu bộ; xây dựng các hạng mục phụ trợ, HTKT, PCCC và thiết bị	130/QĐ-UBND 19/7/2017	10.071	9.000		6.500		2.500		1	UBND huyện Sóc Sơn	
7	Xây dựng Trường THCS Nam Sơn	1		Xã Nam Sơn	2015-2017	20 lớp, các hạng mục phụ trợ, HTKT	3987/QĐ-UBND 10/9/2012	57.872	8.000	8.000					1	UBND huyện Sóc Sơn	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/Chủ trương đầu tư được duyệt		Cập nhật, điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn 2016-2020						CT HT 2016-2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư	Tổng cộng	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
8	Xây dựng Trường MN Hồng Kỳ phân hiệu 2	1		Xã Hồng Kỳ	2015-2017	10 lớp, hạng mục phụ trợ theo tiêu chuẩn	6440/QĐ-UBND; 25/10/2013 5744/QĐ-UBND 28/10/2015	34.642	8.000	8.000					1	UBND huyện Sóc Sơn	
9	Cải tạo, nâng cấp trường THCS Bắc Sơn		1	Xã Bắc Sơn	2015-2017	Cải tạo nhà học 2 tầng, xây mới nhà hiệu bộ, chức năng và 04 phòng, các phụ trợ, HTHT, thiết bị	8509/QĐ-UBND ngày 28/10/2011; 2401/QĐ-UBND ngày 27/5/2015	34.359	7.000	7.000					1	UBND huyện Sóc Sơn	
b)	Lĩnh vực văn hóa		11					49.206	45.252		28.000	8.500	8.752		11		
1	Xây dựng nhà văn hóa thôn Tiên Chu, xã Bắc Sơn		1	Bắc Sơn	2017-2018	Xây mới với quy mô 200 chỗ ngồi, công trình cấp III, HTKT đồng bộ	6782/QĐ-UBND 17/8/2017	6.466	5.995		3.200		2.795		1	UBND huyện Sóc Sơn	
2	Cải tạo, nâng cấp nhà văn hóa thôn Đồ Lương, xã Bắc Sơn		1	Bắc Sơn	2017-2018	Xây mới với quy mô 200 chỗ ngồi, công trình cấp III, HTKT đồng bộ	6134/QĐ-UBND 28/7/2017	3.457	3.300		2.900		400		1	UBND huyện Sóc Sơn	
3	Xây dựng nhà văn hóa thôn Thanh Hà, xã Nam Sơn		1	Nam Sơn	2017-2018	Xây mới với quy mô 200 chỗ ngồi, công trình cấp III, HTKT đồng bộ	6717/QĐ-UBND 18/7/2017	4.844	4.500		3.200		1.300		1	UBND huyện Sóc Sơn	
4	Cải tạo, nâng cấp nhà văn hóa thôn Xuân Bàng, xã Nam Sơn		1	Nam Sơn	2017-2018	Cải tạo với quy mô 200 chỗ ngồi, công trình cấp III, HTKT đồng bộ	3777/QĐ-UBND 29/5/2017	3.341	3.228		2.000		1.228		1	UBND huyện Sóc Sơn	
5	Cải tạo, nâng cấp nhà văn hóa thôn Đông Hạ, xã Nam Sơn		1	Nam Sơn	2017-2018	Xây mới với quy mô 200 chỗ ngồi, công trình cấp III, HTKT đồng bộ	5257/QĐ-UBND 4/4/2017	2.281	2.158		1.500		658		1	UBND huyện Sóc Sơn	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/Chủ trương đầu tư được duyệt		Cập nhật, điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn 2016-2020						CT HT 2016-2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư	Tổng cộng	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
6	Xây dựng nhà văn hóa thôn Lai Sơn, xã Bắc Sơn		1	Bắc Sơn	2017-2018	Xây mới với quy mô 200 chỗ ngồi, công trình cấp III, HTKT đồng bộ	6285/QĐ-UBND 31/7/2017	5.936	5.545		5.000		545		1	UBND huyện Sóc Sơn	
7	Xây dựng nhà văn hóa thôn 4, xã Hồng Kỳ		1	Hồng Kỳ	2017-2018	Xây mới với quy mô 200 chỗ ngồi, công trình cấp III, HTKT đồng bộ	6253/QĐ-UBND 28/7/2017	4.179	3.958		3.500		458		1	UBND huyện Sóc Sơn	
8	Xây dựng nhà văn hóa thôn Hoa Sơn, xã Nam Sơn		1	Nam Sơn	2017-2018	Xây mới với quy mô 200 chỗ ngồi, công trình cấp III, HTKT đồng bộ	6254/QĐ-UBND 28/7/2017	5.736	5.336		4.300		1.036		1	UBND huyện Sóc Sơn	
9	Xây dựng nhà văn hóa thôn 7, xã Hồng Kỳ		1	Hồng Kỳ	2017-2018	Xây mới với quy mô 200 chỗ ngồi, công trình cấp III, HTKT đồng bộ	5362/QĐ-UBND 12/7/2017	3.071	2.732		2.400		332		1	UBND huyện Sóc Sơn	
10	Xây dựng Nhà văn hóa thôn Liên Xuân xã Nam Sơn		1	Nam Sơn	2017-2019	Xây mới với quy mô 250 chỗ ngồi, công trình cấp III, HTKT đồng bộ	8582/QĐ-UBND 16/10/2017	5.756	5.000			5.000			1	UBND huyện Sóc Sơn	
11	Xây dựng nhà văn hóa thôn Đò Tân		1	Bắc Sơn	2018-2019	Xây mới với quy mô 300 chỗ ngồi, công trình cấp III, HTKT đồng bộ	8583/QĐ-UBND 16/10/2017	4.139	3.500			3.500			1	UBND huyện Sóc Sơn	
0	Lĩnh vực nông nghiệp		5					71.571	29.928		9.200	20.000	728		5		
1	Kiên cố hóa hệ thống kênh tưới hồ Hoa Sơn, xã Nam Sơn		1	Nam Sơn	2016-2017	L=8,1km đáp ứng nhu cầu 337ha	6397/QĐ-UBND 10/11/2016	11.399	4.149		4.000		149		1	UBND huyện Sóc Sơn	
2	Kiên cố hóa hệ thống kênh thôn Tiến Chu - Nam Lý - Lương Đình, xã Bắc Sơn		1	Bắc Sơn	2016-2017		5921/QĐ-UBND 03/11/2016	12.158	1.400		1.400				1	UBND huyện Sóc Sơn	
3	Kiên cố hóa hệ thống kênh hồ Cầu Bãi, xã Bắc Sơn		1	Bắc Sơn	2016-2017	L=5,46km	7255/QĐ-UBND 30/10/2015	9.883	1.800		1.800				1	UBND huyện Sóc Sơn	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/Chủ trương đầu tư được duyệt		Cập nhật, điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn 2016-2020						CT HT 2016-2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư	Tổng cộng	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
4	Kiên cố hóa hệ thống kênh tưới hồ Non Chúa, cửa rừng, xóm 15, xã Nam Sơn		1	Nam Sơn	2016-2017	L=5,2km đáp ứng nhu cầu 240ha	5689/QĐ-UBND 28/10/2016	10.297	2.579		2.000		579		1	UBND huyện Sóc Sơn	
5	Cải tạo, nâng cấp đê Đò Tân, xã Bắc Sơn		1	Bắc Sơn	2017-2019	L=3,3km	8793/QĐ-UBND 31/10/2017	27.834	20.000			20.000			1	UBND huyện Sóc Sơn	
e)	Lĩnh vực khác		3					42.386	33.908		18.208		1.700	14.000	3		
1	Xây dựng hệ thống rãnh thu gom nước rác hai bên tuyến đường nối từ tỉnh lộ 35 đi cổng phía Nam Bãi rác Nam Sơn		1	Nam Sơn	2016-2017	L=3,6km	5630/QĐ-UBND 26/10/2016	11.519	5.708		5.708				1	UBND huyện Sóc Sơn	
2	Xây dựng hệ thống thoát nước trực Lai Sơn - Châu - Đò Lương và tuyến chợ Châu - Đò Tân		1	Nam Sơn	2017-2018	L=7km; B=0,4-0,5m; có tấm đan chịu lực	6661/QĐ-UBND 08/8/2017	14.222	13.200		12.000		1.200		1	UBND huyện Sóc Sơn	
3	Xây dựng HTKT nghĩa trang thôn Lai Sơn, xã Bắc Sơn		1	Sóc Sơn	2019-2020	1,6 ha	7257/QĐ-UBND 30/10/2015; 6868/QĐ-UBND 25/10/2019	16.645	15.000		500		500	14.000	1	UBND huyện Sóc Sơn	
a)	Lĩnh vực y tế		1					8.430	7.500			7.500			1		
1	Xây dựng trạm y tế xã Nam Sơn		1	Nam Sơn	2018-2019	Xây dựng một dãy nhà khám chữa bệnh 2 tầng 12 phòng, nhà bếp ăn, công trình cấp III, hạ tầng kỹ thuật đồng bộ	8789/QĐ-UBND 31/10/2017	8.430	7.500		7.500				1	UBND huyện Sóc Sơn	
III	Huyện Mê Linh		3					35.237	27.000	27.000					3		
	Lĩnh vực giao thông		2					23.765	19.500	19.500					2		
1	Cải tạo, nâng cấp Đường GTNT và hệ thống thoát nước xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh		1	Thanh Lâm	2015-2016		2855/QĐ-UBND ngày 23/5/2014	10.826	7.500	7.500					1	UBND xã Thanh Lâm	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/Chủ trương đầu tư được duyệt		Cập nhật, điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn 2016-2020						CT HT 2016-2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư	Tổng cộng	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
2	Cải tạo, nâng cấp đường nối từ đường 23B vào khu nghĩa trang Thanh Tước, huyện Mê Linh		1	Thanh Lâm	2015-2016	L=371m, cấp IV	6058/QĐ-UBND ngày 18/10/2013	12.939	12.000	12.000					1	UBND huyện Mê Linh	
	Lĩnh vực văn hóa		1					11.472	7.500	7.500					1		
3	Xây dựng nhà văn hóa các thôn: Phú Hữu, Mỹ Lộc và Khu dân cư đường 23B, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh		1	Thanh Lâm	2015-2016		9172/QĐ-UBND ngày 31/12/2013	11.472	7.500	7.500					1	UBND xã Thanh Lâm	
V	Huyện Quốc Oai		9					129.590	105.500	58.500	47.000				9		
	Lĩnh vực giao thông		6					86.844	66.500	40.500	26.000				6		
1	Đường giao thông thôn 6 xã Phú Cát		1	Phú Cát	2013-2016		22/QĐ-UBND 14/02/2014	14.968	14.000	10.000	4.000				1	UBND huyện Quốc Oai	
2	Đường giao thông thôn 5 xã Phú Cát		1	Phú Cát	2013-2016		702/QĐ-UBND 12/3/2015	14.467	13.000	8.000	5.000				1	UBND huyện Quốc Oai	
3	Đường giao thông thôn 3 xã Phú Cát		1	Phú Cát	2013-2016		1540/QĐ-UBND 18/6/2015	14.056	12.500	5.500	7.000				1	UBND huyện Quốc Oai	
4	Đường giao thông liên thôn 5, thôn 7 xã Phú Cát.		1	Phú Cát	2015-2017		3671/QĐ-UBND 03/9/2014	14.897	9.500	6.000	3.500				1	UBND huyện Quốc Oai	
5	Đường giao thông liên thôn 2, thôn 4 xã Phú Cát.		1	Phú Cát	2015-2017		3672/QĐ-UBND 03/9/2014	13.776	9.000	6.000	3.000				1	UBND huyện Quốc Oai	
6	Đường giao thông thôn 3, thôn 4 xã Phú Cát.		1	Phú Cát	2015-2017		3674/QĐ-UBND 03/9/2014	14.680	8.500	5.000	3.500				1	UBND huyện Quốc Oai	
	Lĩnh vực giáo dục		3					42.746	39.000	18.000	21.000				3		
1	Trường Mầm non Phú Cát (Điểm trường khu A, khu C)		1	Phú Cát	2015-2017		2702/QĐ-UBND ngày 9/9/2014	14.975	13.500	6.000	7.500				1	UBND huyện Quốc Oai	
2	Trường Tiểu học Phú Cát		1	Phú Cát	2015-2017		2713/QĐ-UBND ngày 10/9/2014	13.000	12.000	6.000	6.000				1	UBND huyện Quốc Oai	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/Chủ trương đầu tư được duyệt		Cập nhật, điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn 2016-2020						CT HT 2016-2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư	Tổng cộng	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
3	Trường THCS Phú Cát		1	Phú Cát	2015-2017		3294/QĐ-UBND ngày 20/10/2014	14.771	13.500	6.000	7.500				1	UBND huyện Quốc Oai	
VI	Huyện Thạch Thất	1	8					222.053	94.000	60.000	34.000				9		
	Lĩnh vực giáo dục		6					100.932	43.000	30.000	13.000				6		
1	Trường MN trung tâm xã Hữu Bằng		1	xã Hữu Bằng	2014-2016	20 phòng học	7295/QĐ-UBND 25/10/2011	45.632	6.000	6.000					1	UBND huyện Thạch Thất	
2	Trường trung học cơ sở BPC giai đoạn 2		1	Xã Thạch Hòa	2016-2017	Đạt chuẩn QG	1663/QĐ-UBND ngày 29/3/2016	13.914	10.000	5.000	5.000				1	UBND huyện Thạch Thất	
3	Tiểu học khu dân dụng BPC giai đoạn 2		1	Xã Thạch Hòa	2016-2017	Đạt chuẩn QG	1664/QĐ-UBND ngày 29/3/2016	14.187	10.000	5.000	5.000				1	UBND huyện Thạch Thất	
4	Trường MN Khoang Mè xã Hạ Bằng		1	Xã Hạ Bằng	2016-2017		6747/QĐ-UBND ngày 24/10/2012	10.697	10.000	7.000	3.000				1	UBND huyện Thạch Thất	
5	Trường Tiểu học xã Tân Xã		1	Xã Tân Xã	2016-2017		1510/QĐ-UBND ngày 28/3/2016	7.300	3.500	3.500					1	UBND huyện Thạch Thất	
6	Trường THCS xã Bình Yên		1	Xã Bình Yên	2016-2017		4205/QĐ-UBND ngày 07/7/2016	9.202	3.500	3.500					1	UBND huyện Thạch Thất	
	Lĩnh vực giao thông	1						96.130	35.000	20.000	15.000				1		
1	Đường tỉnh 419 đi Tân Xã	1		H. Thạch Thất	2016-2017	5,3km	1429/QĐ-UBND 28/5/2008, 5129/QĐ-UBND 09/10/2015	96.130	35.000	20.000	15.000				1	UBND huyện Thạch Thất	
	Lĩnh vực văn hóa		1					14.991	11.000	5.000	6.000				1		

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/Chủ trương đầu tư được duyệt		Cập nhật, điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn 2016-2020						CT HT 2016-2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư	Tổng cộng	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1	Nhà văn hóa, bưu điện, thể thao khu dân dụng BPC		1	Xã Thạch Hòa	2016-2017	1550m2	1665/QĐ-UBND ngày 29/3/2016	14.991	11.000	5.000	6.000				1	UBND huyện Thạch Thất	
	Lĩnh vực nông nghiệp		1					10.000	5.000	5.000					1		
1	Củng cố kênh mương thủy lợi nội đồng xã Đồng Trúc		1	Xã Đồng Trúc	2016-2017	5,0km	1678/QĐ-UBND ngày 30/3/2016	10.000	5.000	5.000					1	UBND huyện Thạch Thất	
VI	Huyện Ứng Hòa	1						49.946	5.000	5.000					1		
	Lĩnh vực khác	1						49.946	5.000	5.000					1		
1	Bãi rác thải hợp vệ sinh phía Nam huyện Ứng Hòa	1		Ứng Hòa	2013-2016	Xây mới 3000m2	488/QĐ-UBND ngày 20/10/2011	49.946	5.000	5.000					1	UBND huyện Ứng Hòa	
1	Thị xã Sơn Tây		7					131.112	80.000	30.000	50.000				7		
	Lĩnh vực giao thông		4					88.417	53.000	24.000	29.000				4		
1	Cải tạo, nâng cấp đường nội thôn xã Xuân Sơn		1	Xã Xuân Sơn	2014-2016	Cải tạo	1029/QĐ-UBND 29/10/2012; 1972/QĐ-UBND 31/12/2014	28.621	14.000	14.000					1	UBND Thị xã Sơn Tây	
2	Cải tạo, nâng cấp đường 413 đi Kỳ Sơn, xã Xuân Sơn		1	Xã Xuân Sơn	2015-2017	Cải tạo, sửa chữa	1486/QĐ-UBND 04/12/2014	29.866	25.000	10.000	15.000				1	UBND Thị xã Sơn Tây	
3	Đường giao thông liên xã Xuân Sơn - Tân Lĩnh (6 nhánh)		1	Xuân Sơn	2017-2020	L= 2.739,22 m, gồm 6 nhánh GTNT cấp A, Bm=3,5m	185a/QĐ-UBND ngày 24/3/2016	15.000	7.000		7.000				1	UBND Thị xã Sơn Tây	
1	Cải tạo, nâng cấp đường nội thôn, thôn An Sơn, Nhân Lý, Kỳ Sơn, xã Xuân Sơn		1	Xuân Sơn	2017-2020	3,5km GTNT cấp A, tuyến chính có Bm=5m, tuyến nhánh Bm=3-3,5m	1689a/QĐ-UBND ngày 31/12/2015	14.930	7.000		7.000				1	UBND Thị xã Sơn Tây	
	Lĩnh vực nông nghiệp		1					14.974	8.000		8.000				1		

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/Chủ trương đầu tư được duyệt		Cập nhật, điều chỉnh KII đầu tư công trung hạn 2016-2020						CT HT 2016-2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư	Tổng cộng	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1	Cải tạo, nạo vét đập cầu lỏi và đập ghém xã Xuân Sơn (Nạo vét 02 hồ đập với tổng diện tích 2,069ha. Cải tạo mặt đường quanh đầm, kè đá xây, cống thoát nước)		1	Xuân Sơn	2017-2020	diện tích 2,069ha	100a/QĐ-UBND ngày 23/3/2016	14.974	8.000		8.000				1	UBND Thị xã Sơn Tây	
	Lĩnh vực khác		2					27.721	19.000	6.000	13.000				2		
1	Chợ Mía Đường Lâm		1	Đường Lâm	2015-2017	Xây mới	626/QĐ-UBND 06/6/2012	13.731	12.000	6.000	6.000				1	UBND Thị xã Sơn Tây	
2	Xây dựng ô chôn lấp bùn thoát nước tại khu XLCT Xuân Sơn, Sơn Tây		1	Xuân Sơn	2016-2017	Xây dựng 4 ô chôn lấp bùn	1282/QĐ-UBND ngày 28/10/2014	13.990	7.000		7.000				1	UBND Thị xã Sơn Tây	
VIII	Quận Nam Từ Liêm	1						60.995	6.000	6.000					1		
	Lĩnh vực giáo dục	1						60.995	6.000	6.000					1		
1	Xây dựng trường mầm non Phương Canh, phường Phương Canh	1		Nam Từ Liêm	2015-2016	Nhà 3 tầng 14 phòng	2054/QĐ-UBND 18/9/2014 3228/QĐ-UBND 06/8/2015	60.995	6.000	6.000					1	UBND quận Nam Từ Liêm	